

CÔNG TRÌNH NHỮNG CÂY THUỐC VÀ VỊ THUỐC VIỆT NAM NHÌN TỪ GÓC ĐỘ BÁCH KHOA THƯ CHUYÊN NGÀNH

NGUYỄN HUY BÌNH *

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu, phân tích công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* dưới góc độ cấu trúc của bách khoa thư chuyên ngành. Về mặt cấu trúc vĩ mô (cấu trúc bảng mục từ) sẽ đề cập đến các đơn vị tri thức là những từ đầu mục được trình bày theo hệ thống; về cấu trúc vi mô (cấu trúc mục từ) sẽ phân tích các mô hình cấu trúc tiêu biểu của từng nhóm vị thuốc và cây thuốc đã được phân loại. Trên cơ sở đó, làm rõ giá trị về nội dung khoa học và tính chất bách khoa thư của công trình này.

Từ khóa: Cấu trúc vĩ mô, cấu trúc vi mô, bách khoa thư chuyên ngành, công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*.

Abstract: The article introduces and analyzes the work *Vietnamese Medicinal Plants and Herbs* from the perspective of specialized encyclopedias. In terms of the macro-structure (the structure of the table of entries), it will refer to the knowledge units that are the headwords presented systematically; in terms of the micro-structure (the structure of entries), it will analyze the typical structural models of each group of medicinal herbs and plants that have been classified. Thereby, the article clarifies the values of scientific contents and encyclopedic nature of this work.

Keywords: Macro-structure, micro-structure, specialized encyclopedias, *Vietnamese Medicinal Plants and Herbs*.

1. Mở đầu

Bách khoa thư chuyên ngành là loại hình

bách khoa thư cung cấp tri thức về một hoặc một số chủ đề trong chuyên ngành khoa học cụ thể. Bách khoa thư chuyên ngành có chức năng hệ thống hóa thông tin khoa học theo đơn vị tri thức mục từ. Mỗi mục từ có thể đứng độc lập hoặc nằm trong một chủ đề theo cách phân loại khoa học của chuyên ngành. Theo tác giả Hà Học Trạc: “Bách khoa toàn thư chuyên ngành trình bày và giới thiệu những tri thức thuộc một chuyên ngành rộng, một chuyên đề hẹp hay một ngành hành chính sự nghiệp. Ví dụ: về quân sự, nông nghiệp, y học, kinh tế,...; về vũ thuật, nấu ăn,...; về hải quan, du lịch,...” [3, tr.60]. Bài viết nhìn nhận công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* dưới góc độ bách khoa thư chuyên ngành dược học, qua đó sẽ phân tích, làm rõ nội dung của công trình theo góc nhìn cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô của công trình bách khoa thư.

2. Khái lược về công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*

Công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* là cuốn sách về dược liệu của nhà dược học lừng danh Đỗ Tất Lợi đã thực hiện trong hơn 20 năm. Từ năm 1955, sau khi từ chiến khu Việt Bắc trở về, tác giả được mời làm Chủ nhiệm bộ môn Dược liệu -

* TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: huybinhvtd@gmail.com

Thực vật tại Trường Đại học Y Dược Hà Nội. Để phục vụ cho công việc giảng dạy và nghiên cứu, ông bắt đầu biên soạn giáo trình *Dược liệu học và các vị thuốc Việt Nam* gồm 6 tập, được biên soạn và xuất bản từ năm 1962 đến 1965. Kể từ lần xuất bản thứ hai, công trình đã được hợp thành một bộ sách thống nhất, đổi tên thành *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Bộ sách đã được tái bản nhiều lần. Mỗi lần tái bản, tác giả đã dụng công chỉnh sửa, bổ sung. Đến nay, số lượng xuất bản của công trình lên tới hàng vạn cuốn, đây là con số mà từ trước đến nay ở nước ta hiếm có cuốn sách nào về khoa học kỹ thuật có thể đạt được.

Công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* sau khi ra đời có tiếng vang trong nước và nước ngoài. Năm 1968, tác giả Đỗ Tất Lợi được Hội đồng Khoa học Viện Hóa Dược Leningrad phong tặng đặc cách danh hiệu Tiến sĩ Khoa học. Năm 1983, tại Triển lãm Hội chợ sách quốc tế ở Moscow, công trình được bình chọn là một trong bảy viên ngọc quý. Năm 1996, công trình đã được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học kỹ thuật lần thứ nhất. Năm 2006, Hiệp hội Xuất bản Châu Á Thái Bình Dương (APPA) đã trao giải đặc biệt. Sự đánh giá cao của các tổ chức khoa học, các nhà khoa học trong và ngoài nước đã cho thấy được tầm vóc lớn của công trình.

Về cấu trúc, công trình gồm 3 phần: Phần thứ nhất (Phần chung), tác giả đã đề cập đến *Cơ sở lý luận về tìm thuốc và tác dụng của thuốc theo Đông y*, gồm các vấn đề về: Nguồn gốc phát hiện ra thuốc, tên các vị thuốc, tên các bài thuốc, phân loại thuốc Đông y, khái niệm về cơ sở lý luận trong Đông y, thuyết âm dương, vận dụng thuốc âm dương trong y dược, thuyết ngũ hành, vận dụng thuyết ngũ hành trong việc xét tính chất thuốc và dùng thuốc, tính chất của thuốc trình

bày theo tác dụng trên các đường kinh lạc. Tác giả làm rõ vấn đề *Bào chế thuốc Đông y* như: Phương pháp bào chế chỉ dùng lửa, phương pháp bào chế chỉ dùng nước, phương pháp bào chế dùng phối hợp cả nước và lửa. Trong mục *Cơ sở để xem xét tác dụng của thuốc theo khoa học hiện đại (Tây y)*, tác giả đề cập đến: Nhóm những chất vô cơ, nhóm những chất hữu cơ. Mục cuối ở phần thứ nhất là *Kê đơn thuốc Đông y*. Phần thứ hai, tác giả đề cập đến *Các vị thuốc*, trình bày hơn 750 vị thuốc Việt Nam theo 23 nhóm. Đây là phần chính yếu của công trình và mang đậm tính chất của bách khoa. Phần Phụ lục: *Phụ lục I* nói về thân thể và sự nghiệp của đại danh y Thiền sư Tuệ Tĩnh (1623?-1713); Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác, nhà đại danh y dân tộc, nhà khoa học lớn, đồng thời là nhà tư tưởng, nhà văn lỗi lạc của nước ta ở thế kỷ XVIII. *Phụ lục II* đề cập đến việc tổ chức khai thác sử dụng cây thuốc và vị thuốc Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám. *Phụ lục III* cung cấp Bảng tra cứu các cây thuốc xếp theo họ thực vật; Bảng tra cứu các vị thuốc nguồn gốc động vật xếp theo các con vật cho vị thuốc; Bảng tra cứu các vị thuốc nguồn gốc khoáng vật; Bảng tra cứu các vị thuốc và hoạt chất theo tên Việt Nam; Bảng tra cứu các vị thuốc và hoạt chất theo tên La-tinh và tên khoa học; Bảng tra cứu các vị thuốc theo tên Hán; Bảng tra cứu các loại thuốc xếp theo loại bệnh; Bảng tra cứu các vị thuốc phân loại theo tính chất Đông y. *Phụ lục IV* giải thích một số thuật ngữ thực vật học.

Công trình khoa học này đã trở thành tài liệu hữu ích cho những người dùng thuốc nam và nghiên cứu thuốc nam ở trong và ngoài nước; phục vụ việc trồng, khai thác cây thuốc ở nước ta. Ngoài ra, đây còn là tài liệu tham khảo hữu ích phục vụ cho việc đào tạo của ngành y dược học cổ truyền ở

Việt Nam.

3. Nhìn từ góc độ cấu trúc vĩ mô bách khoa thư

Cấu trúc vĩ mô hay còn gọi là bảng mục từ, chứa đựng những từ đầu mục trong một công trình từ điển hoặc bách khoa thư. Cấu trúc vĩ mô bao quát nội dung tri thức của công trình. Trong Phần II, công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* chứa đựng hơn 750 đơn vị tri thức về các cây thuốc và vị thuốc Việt Nam theo từng nhóm. Mỗi đơn vị tri thức này tương đương với một mục từ trong các công trình bách khoa thư.

1) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa bệnh phụ nữ, gồm: Ích Mẫu, Hương Phụ, Ngải Cứu, Bạch Đồng Nữ, Cây Diếp Cá, Cây Hồng Hoa, Cây Gai, Cây Hoa Cứt Lợn, Bán Hạ, Cây Bông, Hạt Bông, Cây Ngưu Tất, Cây Tô Mộc, Cây Rau Ngót, Đài Hái, Cỏ Đuôi Lươn, Đương Quy, Huyết Giác, Mướp, Nhội, Ô rô, Thiên Lý, Thược Dược, Bạch Dược, Xích Nhục, Bọ Mẩy, Mít, Cừu Lý Hương, Duyên Hồ Sạch.

2) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa mụn nhọt mẩn ngứa, gồm: Bồ Công Anh, Bồ Công Anh Việt Nam, Bồ Công Anh Trung Quốc, Kim Ngân, Cây Ké Đầu Ngựa, Hạ Khô Thảo, Cây Sa Sang, Bưởi Bung, Cây Mã Tiên Thảo, Con Rết, Sài Đất, Bạch Hạc, Bạch Hoa Xà, Bảy Lá Một Hoa, Bèo Cái, Bò Cu Vẽ, Bùng Bực, Cà Dại Hoa Vàng, Cao Bản, Chó Đẻ Răng Cưa, Cúc Liên Chi Dại, Dâm Bụt, Ké Hoa Đào, Ké Hoa Vàng, Khe, Liên Kiêu, Máu Chó, Lá Móng Tay, Mù U, Niết Gió, Phù Dung, Dầu Trái Trắng, Cây Rau Má, Lá Rau Muống, Rau Má Ngọ, Tàn Cừ (Thanh Táo), Thanh Đại, Thuốc Bông, Thuốc Giấu, Trầu Không, Thồm Lồm, Đơn Buốt, Chè Vằng, Cây Ráy, Ba Chạc, Bèo Tây, Bứa, Dây Đòn Gánh, Đại Phong Tử, Đơn Răng Cưa, Đơn Tướng Quân, Găng Tu Hú, Huyết Kiệt, Hương Diệp, Keo Nước Hoa, Khoai

Nưa, Cây La, Cà Tàu, Lu Lu Đực, Mặt Quỷ, Muồng Trồng, Rong Mơ, Sắn Thuyền, Thóc Lép, Tỏi Đỏ, Tùng Hương, Vạn Niên Thanh, Táo Rừng, Săng, Hàn The, Cà Chua.

3) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc trị giun sán, gồm: Cây Dầu Giun, Sủ Quân Tử, Cây Keo Giậu, Cây Bách Bộ, Xoan, Cây Thùn Mùn, Hạt Bí Ngô, Cây Chân Bâu, Cây Thạch Lựu, Cây Cau, Cây Rùm Nao, Quán Chúng, Mắc Nưa.

4) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa lỵ. Trong đó, các loại cây chữa lỵ Amíp gồm: Cây Sầu Đâu Rừng, Tỏi, Mộc Hoa Trắng. Cây chữa lỵ trực trùng gồm: Rau Sam, Mơ Tam Thê, Cây Chè, Vỏ Lựu, Hoàng Liên, Hoàng Liên Gai, Hoàng Liên Ô rô, Hoàng Đăng, Hoàng Đăng Chân Vịt, Vàng Đăng, Thỏ Hoàng Liên, Hoàng Đăng Loong Trơn, Hoàng Bá, Cỏ Sữa Nhỏ Lá, Ba Chẽ, Bàng, Cầm Xà Lặc, Điều Nhuộm, Đơn Đỏ, Đơn Trắng (Hé Mọ), Mộc Nhĩ, Phụng Nhớn Thảo, San Sư Cô, Seo Gà, Vọng Cách, Đậu Rựa, Gừng Dại, Săng Lẻ.

5) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc thông tiểu tiện và thông mật, gồm: Mã Đề, Cây Trạch Tả, Đại Phúc Bì, Cỏ Chì, Cỏ Tranh, Cây Râu Mèo, Râu Ngô, Cây Áctisô, Phục Linh, Bắc Đền, Cây Thông Thảo, Dành Dành, Nghệ, Mật Động Vật - Đờm, Mật Lợn, Mật Bò, Bòn Bọt, Chỉ Thiên, Dưa Chuột, Chua Me Đất Hoa Vàng, Cây Chua Me Lá Me, Cỏ Bọ, Cỏ May, Đậu Đen, Hoa Hiên, Lõi Tiên, Mộc Tặc, Mộc Thông, Sỏi, Tai Chuột, Thạch Vĩ, Lưỡi Rắn, Dây Chặt Chiu, Thông Bong, Mẩn Tươi, Cái Dái Dê Tím, Cây Xam Xưng, Chanh Trường, Cói, Con Bó, Cây Cơm Cháy, Rau Dừa Nước, Dứa, Dứa Dại, Cây Đa, Đậu Chiêu, Đậu Đỏ Nhỏ, Găng, Cây Xương Sáo, Thốt Nốt, Kim Tiên Thảo, Rau Om, Món Lưng Ròng, Nàng Nàng, Rau Đắng, Cây Lá Tiết Dề, Khế Rừng, Mã Thầy, Mùi Tây, Thương

Lục, Cỏ Thiên Thảo, Dứa Bà, Lục Lạc Ba Lá Tròn, Rau Muống.

6) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc cầm máu, gồm: Cỏ Nhọ Nồi, Cây Nghê, Cây Cỏ Nén, Long Nha Thảo, Cây Huyết Dụ, Cây Trắc Bách Diệp, Cây Tam Thất, Cây Mào Gà Trắng, Cây Mào Gà Đỏ, Bách Thảo Sương, Rau Ngổ, Thiên Thảo, Vạn Tuế, Địa Du.

7) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa huyết áp, gồm: Cây Hoa Hòe, Mạch Ba Góc, Cây Ba Gạc, Cây Ba Gạc Ấn Độ, Cây Ba Kích, Cây Câu Đằng, Cây Nhàu, Cây Dừa Cạn, Đỗ Trọng, Hoàng Cầm, Hồi Đầu Thảo, Rau Cần Tây.

8) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc có chất độc, gồm: Cây Cheo, Cây Củ Đậu, Cây Hột Mát, Cây Lá Ngón, Cây Sui, Thàn Mát, Hồi Núi, Hương Bài, Hương Lô, Cúc Trừ Sầu, Tỏi Độc, Cây Ngọt Nghèo, Cây Cho Curarơ, Sờ, Trầu, Cây Lim, Mắc Khén, Thuốc Lá, Gai Dầu, Cây Sơn, Dây Thuốc Cá.

9) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa bệnh ở bộ máy tiêu hóa, gồm: Sơn Tra, Mạch Nha, Thần Khúc, Đu Đủ, Kê Nội Kim, Chủ Thực, Địa Liên, Gừng, Gừng Gió, Hạt Sên, Hạt Tiêu, Hậu Phác, Hoắc Hương, Long Đởm Thảo, Nga Truật, Ngo Thủ Du, Ngũ Gia Bì, Ót, Quít Trần Bì, Riêng, Xương Bò, Bạch Biền Đậu, Bạch Truật, Thương Truật, Đơn Lá Đỏ, Đùm Đùm, Mâm Xôi, Mộc Hương, Rau Đay, Sa Nhân, Đậu Khấu, Dương Xuân Sa, Sa Nhân, Đậu Khấu, Thảo Đậu Khấu, Ông Đậu Khấu, Ích Trí Nhân, Nhục Đậu Khấu, Thành Ngạnh, Thảo Quả, Thị, Bách Bệnh, Hublông, Cây Dung, Hoa Tiên, Màng Tang, Rau Mùi, Nấm Hương, Thiên Đầu Thống, Tai Chua, Thìa Là, Vối, Cây Lá Men, Thanh Ngâm.

10) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa đi lỏng - đau bụng, gồm: Kha Tử, Măng Cụt, Ngũ Bột Tử, Cây Ổi, Ô Dước, Sim, Trầm Hương, Kiến Kỳ Nam, Cà Rốt,

Peah Phneou, Củ Nâu, Vải, Khoai Riêng.

11) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc nhuận tràng và tẩy, gồm: Khiên Ngu, Khoai Lang, Cây Đại, Mang Tiêu, Ba Đậu, Thầu Dầu, Chu Chít, Đại Hoàng, Lô Hội, Muồng Trâu, Phan Tả Diệp, Thảo Quyết Minh, Vọng Giang Nam, Rau Mồng Tơi, Thạch, Cây Hoa Phấn, Ba Đậu Tây, Đẳng Hoàng, Đậu Cọc Rào, Cây Lai, Lộc Mại, Lạc, Tục Tùy Tử, Thanh Long.

12) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa đau dạ dày, gồm: Cây Khôi, Cây Dạ Cầm, Mẫu Lệ, Mai Mực, Thạch Quyết Minh, Cải Bắp.

13) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa tê thấp, đau nhức, gồm: Cầu Tích, Cốt Toái Bồ, Dây Đau Xương, Cây Hàm Êch, Hhy Thiêm, Cây Sung, Thiên Niên Kiện, Thổ Phục Linh, Cây Xá Xị, Tỳ Giải, Cây Vòi Voi, Mật Gấu, Chia Vôi, Củ Cốt Khí, Độc Hoạt, Náng Hoa Trắng, Trinh Nữ Hoàng Cung, Phòng Kỷ, Phấn Phòng Kỷ, Quảng Phòng Kỷ, Mộc Phòng Kỷ, Các loại Phòng Kỷ dùng ở Việt Nam, Tầm Duột, Lá Lốt, Lầu, Trứng Cuốc, Châu Thụ, Dây Toàn, Cây Dền, Gỏi Hạc, Hoàng Nân, Hồi, Khoai Tây, Kim Sương, Long Nảo, Mã Tiền, Mộc Qua, Vuốt Hùm, Bướm Bạc, Chay, Rung Rúc, Giỏi, Chia Vôi.

14) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc đắp vết thương rấn rết cắn, gồm: Cây Ban, Bời Lởi Nhót, Bông Báo, Cây Mỏ Quạ, Cà Đại Hoa Trắng, Bông Ổi, Tơ Mạnh, Bát Giác Liên, Bông Gạo, Cà Gai Leo, Rau Răm, Vông Vang, Lá Dong, Sơn Từ Cô, Phù Đen, Ngô Đồng, Cỏ Bạc Đầu, Đào Lộn Hột, Xoan Nhừ, Bống Nước, Cây Mắm, Rau Tàu Bay, Cây Kim Vàng.

15) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa bệnh mắt, tai, răng, họng, gồm: Cốc Tinh Thảo, Mật Mông Hoa, Cúc Áo, Xương Khô, Xương Rồng, Tế Tân, Đơn

Châu Châu, Mía Dò, Xoài, Nhãn Hương, Tật Lê, Ruối, Củ Gió, Sao Đen, Tật Bạt.

16) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa cảm sốt, gồm: Bạc Hà, Bạch Chì, Cây Cối Xay, Cây Cúc Bạch Nhật, Cúc Hoa, Đại Bi, Đạm Trúc Diệp, Hành.

17) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa bệnh tim, gồm: Cây Mướp Sắt, Cây Sừng Dê, Cây Thông Thiên, Cây Trúc Đào, Vạn Niên Thanh, Hành Biển, Kinh Giới, Dây Ký Ninh, Ma Hoàng, Mản Kinh Tử, Cỏ Mản Trầu, Mấu Đơn Bì, Muống Biển, Na, Nguru Bàng, Nhân Trần, Qua Lâu Nhân, Cây Rau Má, Sài Hồ, Sắn Dây, Tề Thái, Thạch Hộc, Thanh Cao Hoa Vàng, Thanh Cao, Cây Chối Xuể, Thường Sơn, Tía Tô, Tiền Hồ, Trúc Nhự, Xạ Can, Xuyên Khung, Bầu Đất, Dương, Húng Quế, Trà Tiên, Gấm, Hương Nhu, Khương Hoạt, Niễng, Phòng Phong, Dây Quai Bị, Thăng Ma, Canh Châu, Cánh Kiến Đỏ, Đinh Hương, Ngâu, Bầm Bầm, Bù Báng, Canh Ki Na, Canhkina, Củ Khi, Cúc Mốc, Cúc Tần, Đậu Sị, Rau Mùi Tàu, Sả, Xương Sồng, Bồng Nổ, Bưởi, Củ Ấu, So Đũa, Cây Gáo, Cây Me Rừng, Móc Mèo Núi, Cây Cỏ Bình, Tía Tô Đại.

18) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc chữa ho, hen, gồm: Cây Thuốc Phiện, Cây Cà Độc Dược, Thiên Tiên Tử, Mơ, Đào, Cối Trối Gà, Húng Chanh, Ráng Trắc, Cải Canh, Củ Cải, Thiên Môn Đông, Mạch Môn Đông, Cát Cánh, Cây Nhót Tây, Cây Bồng Bồng, Bách Hợp, Cây Dâu, Cây Bọ Mắm, Hẹ, Núc Nác, Tô Hạp Hương, Cánh Kiến Trắng, Viễn Chí, Bò Kết, Mướp Đắng, Trám, Thị Đế, Tử Uyển, Tràm và Khuynh Diệp, Tràm và tinh dầu Tràm, Bạch Đàn và tinh dầu Bạch Đàn, Cây Một Lá, Hồng Bì, Phật Thủ, Gai Tầm Xoong, Bạch Cập, Biền Hóa, Bò Hòn, Bối Mầu, Cà Đại Hoa Tím, Chùa Dù, Chóc Gai, Hồ Vĩ, Rau Khúc, Mướp Tây, Cây Nhót, Rượi Gà, Sấu, Cây Si, Lười

Ươi, Cây Bã Thuốc, Chanh, Dâu Gia Xoan, Tri Mầu, Mù Mát, Hồng Xiêm, Thủy Tiên, Sen Cạn, La Hán, Bạch Quả, Cây Nắp Ấm, Khoảng Đông Hoa.

19) Nhóm các cây thuốc và vị thuốc ngủ, an thần, trấn kinh, gồm: Bình Vôi, Lạc Tiên, Sen, Cây Vòng Em, Táo Ta, Long Nhân, Cây Hoa Nhài, Sỉ To, Cây Xấu Hồ, Thiên Thuế, Trân Châu, Nguru Hoàng, Thiên Trúc Hoàng, Chỉ Cự, Chu Sa - Thần Sa.

20) Nhóm các vị thuốc bổ, thuốc bồi dưỡng có nguồn gốc thảo mộc, gồm: Các loại sâm, Nhân Sâm, Nhân Sâm Việt Nam, Đảng Sâm, Sâm Bồ Chính, Thổ Cao Ly Sâm, Sa Sâm, Đan Sâm, Huyền Sâm, Tục Đoạn, Nam Sâm, Sâm Rừng, Khổ Sâm, Cây Khổ Sâm cho lá, Cây Khổ Sâm cho rễ, Đinh Lăng, Bàn Long Sâm, Nấm Linh Chi, Hà Thủ Ô Trắng, Hà Thủ Ô Đỏ, Hoàng Tinh, Ngọc Trúc, Khiếm Thực, Hoài Sơn, Kỷ Tử, Thổ Ty Tử, Cây Sữa, Cây Xộp, Phá Cố Chi, Bạng Hoa, Quế, Quế Thanh Hóa, Quế Quan, Quế Trung Quốc, Cam Thảo Dây, Cam Thảo Bắc, Cam Thảo Nam, Cây Sóng Rắn, Ngũ Vị Tử, Cải Xoong, Ấu Ô Đầu, Ô Đầu và Phụ Tử, Ô Đầu Việt Nam, Đông Trùng Hạ Thảo, Hạt Gấc, Hoàng Kỳ, Hồng Đăng, Kẹo Mạch Nha, Kim Anh, Tầm Xuân, Hồ Đào, Đào Tiên, Vừng, Bỏ Béo, Cát Sâm, Công Cộng, Cây Com Nếp, Cây Lá Dứa, Dâm Dương Hoắc, Dâu Rượu, Đại Táo, Ô Môi, Sâm Cau, Sơn Thủ Du, Thanh Thát, Thổ Tam Thát, Tỏa Dương, Vú Bò, Ca Dao, Dừa, Cọ Dầu, Cô Ca, Cô La, Vú Sữa, Lêkima, Sầu Riêng, Dừa Hấu, Đậu Nành, Đậu Xanh, Nhục Thung Dung, Tích Dương, Tầm Sét, Cây Xa Kê.

21) Nhóm các vị thuốc bổ có nguồn gốc động vật, gồm: Lộc Nhung, Mê Nhung, Lộc Giác, Cao Ban Long, A Giao - Minh Giao, Nhau sản phụ, Hải Mã, Huyết Linh, Tắc Kè, Mật Ong, Nọc Ong, Ong Đen, Yến.

22) Nhóm các vị thuốc khác có nguồn gốc động vật, gồm: Bạch Cương Tằm, Bọ Cạp, Nhựa Cóc, Dạ Minh Sa, Con Đẻ, Nước Bọt, Nước tiểu, Phân người, Giun Đất, Xương hổ, Khi, Long Duyên Hương, Hồ Phách, Miết Giáp, Nhân Rung Bạch, Nhện, Ngũ Linh Chi, Rắn, Xạ Hương, Quy Bản và Cao Quy Bản, Tầm Sa, Tê Giác, Thạch Sùng, Tóc Rối, Da Voi, Xuyên Sơn Giáp, Bìm Bịp, Cà Cuồng, Cá Nóc, Cá Trắm, Chim Sẻ, Chó, Dê, Đồi Mồi, Kỳ Đà, Con Nhím, Thần Lân, Trăn, Con Rươi, Con Sam, Địa, Hải Sâm, Con Quy, Ốc Sên, Sâu Ban Miêu.

23) Nhóm các vị thuốc có nguồn gốc khoáng vật, gồm: Diêm Sinh, Duyên Đơn, Đảm Phàn, Hàn The, Hoạt Thạch, Hùng Hoàng và Thụ Hoàng, Khinh Phấn, Long Cốt, Lô Cam Thạch, Mật Đà Tăng, Muối ăn, Phèn chua, Phục Long Can, Thạch Cao, Thạch Tín, Thăng Dược, Thủy Ngân.

Như vậy, với số lượng đơn vị tri thức lên tới hơn 750 cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* có nội dung đồ sộ. Việc phân loại theo 23 nhóm cây thuốc và vị thuốc, các nhóm đã cung cấp tri thức theo những góc nhìn khác nhau, chứa đựng những thông tin liên quan. Trong đó, 20 nhóm đầu chiếm số lượng mục từ chủ yếu của công trình, đã cung cấp các tri thức về cây thuốc và vị thuốc dùng chữa bệnh cũng như các vị thuốc bổ, thuốc bồi dưỡng có nguồn gốc thảo mộc. Nhóm 21 đề cập đến các vị thuốc bổ có nguồn gốc động vật, Nhóm 22 đề cập đến các vị thuốc khác có nguồn gốc động vật, Nhóm 23 đề cập đến các vị thuốc có nguồn gốc khoáng vật chiếm số lượng hạn chế hơn rất nhiều. Như vậy, công trình đã bao quát được hầu hết các nhóm cây thuốc và vị thuốc chữa bệnh trong Đông y. Từ góc độ bách khoa thư học, mỗi đơn vị tri thức được trình bày theo từng mục trong công trình này mang tính chất

của một mục từ trong công trình bách khoa thư chuyên ngành.

4. Nhìn từ góc độ cấu trúc vi mô bách khoa thư

Trong bách khoa thư học, cấu trúc vi mô còn gọi là cấu trúc nội dung tri thức của mỗi mục từ. Từ cái nhìn tham chiếu với mục từ bách khoa thư, mỗi đơn vị tri thức trong công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* mang dáng dấp đích thực của mục từ bách khoa thư. Mỗi mục cây thuốc và vị thuốc trong công trình được trình bày theo mô hình cấu trúc nhất quán, tác giả cung cấp các thông tin tri thức khá toàn diện của các cây thuốc và vị thuốc theo góc độ y dược học.

Trong 23 nhóm cây thuốc và vị thuốc kể trên, có đến 20 nhóm đầu đề cập đến các cây thuốc và vị thuốc có mô hình cấu trúc giống nhau, gồm tám nội dung thông tin như sau:

- Tên mục từ (được trình bày bằng tiếng Việt và chữ Hán);
- Tên gọi khác và tên khoa học;
- Mô tả cây;
- Phân bố, thu hái và chế biến;
- Thành phần hóa học;
- Tác dụng dược lý;
- Công dụng và liều dùng;
- Hình ảnh minh họa.

Ở nhóm đơn vị tri thức thứ 21 và 22: Nhóm các vị thuốc bổ có nguồn gốc động vật và Nhóm các vị thuốc khác có nguồn gốc động vật, tác giả trình bày theo mô hình cấu trúc gồm sáu nội dung thông tin như sau:

- Tên mục từ (được trình bày bằng tiếng Việt và chữ Hán);
- Tên gọi khác, tên khoa học, họ của con vật;
- Mô con vật;
- Thành phần hóa học;
- Công dụng và liều dùng;

- Hình ảnh minh họa.

Tuy nhiên, ở một số mục, do chưa đủ các thông tin khoa học, tác giả có thể trình bày vắn tắt. Ví dụ ở mục NHỆN tác giả trình bày như sau:

Tên đầu mục từ: NHỆN 蜘蛛

Tên gọi khác: *Còn gọi là* trứng nhện, bích tiền, bích tâm trùng, bích hỷ oa.

Tên khoa học: *Gosamer Uroctea*.

Người ta dùng trứng hay toàn thân con nhện om trứng - *Uroctea compactilis* Koch, thuộc họ Nhện *Uroctidae*.

Quanh năm có thể bắt nhện này, thường thấy ở trên vách, om bọc trứng màu trắng hình đồng tiền.

Công dụng và liều dùng

Chỉ thấy dùng trong phạm vi nhân dân. Thường dùng ngoài, nhưng có khi dùng uống.

Theo Đông y, trứng nhện hay con nhện tính mát, không độc, thường dùng chữa chảy máu không ngừng, mụn nhọt, viêm cổ họng, đái dầm, mồ hôi trộm.

Dùng ngoài, người ta bắt con nhện còn sống ngắt bỏ chân, ấn lên mụn nhọt chưa vỡ mủ như đinh râu, rất chóng khỏi.

Dùng trứng nhện hay con nhện sao vàng hay nướng vàng tán bột mà dùng. Có thể dùng riêng hay phối hợp với các vị thuốc như ngà hay răng voi, ngư hoàng, thanh đại, băng phiến. Ngày dùng 1 đến 2 con hay 1 đến 2 bọc trứng nhện.

Cần chú thêm.

Hình ảnh minh họa.

Ở nhóm đơn vị tri thức thứ 23: Nhóm các vị thuốc có nguồn gốc khoáng vật, tác giả trình bày theo mô hình cấu trúc gồm năm nội dung thông tin như sau:

- Tên mục từ (được trình bày bằng tiếng Việt và chữ Hán);

- Tên gọi khác và tên khoa học;

- Nguồn gốc và tính chất;

- Thành phần hóa học;

- Công dụng và liều dùng;

- Hình ảnh minh họa.

Cấu trúc của mỗi đơn vị tri thức như vậy tương đương với cấu trúc của một mục từ trong công trình bách khoa thư. Ví dụ ở mục LÔ CAM THẠCH được trình bày như sau:

Tên đầu mục từ: LÔ CAM THẠCH 爐甘石

Tên gọi khác: *Còn gọi là* chế cam thạch, cam thạch, phù thủy cam thạch.

Tên khoa học: *Calamina (Smithsonitum)*

A. Nguồn gốc và tính chất

Lô cam thạch là muối kẽm có trong thiên nhiên. Vì trước đây người ta cho rằng, vị thuốc này thường thấy ở trong những lò đúc vàng, vị lại ngọt do đó có tên gọi lô cam thạch (lô là lò, cam là ngọt, thạch là đá).

Lô cam thạch là những cục to nhỏ không đều, màu trắng xám hay hơi xanh, chất hơi xốp, khi ném có vị không rõ rệt, dính vào lưỡi.

Trước đây ta vẫn phải nhập lô cam thạch của Trung Quốc, thực ra ở nước ta cũng có nhưng chưa biết sử dụng. Mỏ kẽm ở Tuyên Quang ở nước ta có lô cam thạch.

B. Thành phần hóa học

Thành phần chủ yếu của lô cam thạch là chất kẽm cabonat ($ZnCO_3$) có lẫn những tạp chất như sắt (Fe), chì (Pb), crôm (Cr), magiê (Mg) và cadmi (Cd).

C. Công dụng và liều dùng

Lô cam thạch là một vị thuốc thường được dùng trong Đông y làm thuốc chữa đau mắt và mụn nhọt.

Theo tài liệu cổ, lô cam thạch có vị ngọt, tính ôn, không độc, có tác dụng cầm máu, tiêu sưng, giải độc, làm cho lên da non, sáng mắt, tan màng, thường chỉ dùng ngoài, liều lượng thì tùy vết loét.

Những đơn thuốc có lô cam thạch dùng trong Đông y

1. *Chữa mụn nhọt lâu liền*: Lô cam thạch 300g, hoàng liên 160g thái mỏng thêm nước vào cho đủ ngập, đun trong 2 giờ, hể nước cạn lại đổ thêm nước vào, vớt bỏ hoàng liên lấy lô cam

thạch tán nhỏ, thêm 10g băng phiến vào trộn đều tán thật mịn, khi dùng điểm vào mắt đau. Đơn này có thể dùng rắc lên các mụn nhọt lâu liền (kinh nghiệm nhân dân từ thời cổ).

2. *Chữa mụn nhọt ăm ngứa*: Lô cam thạch (nung đỏ, nhúng vào nước hoàng liên), mẫu lệ, hai vị bằng nhau tán bột rắc lên những vết loét lâu không liền miệng.

Bột trên có thể dùng xoa lên các nơi ăm ngứa, ra nhiều mồ hôi.

Hình ảnh minh họa.

Nhìn từ góc độ cấu trúc vi mô, mỗi đơn vị tri thức của công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* chứa đựng thông tin và có giá trị tương đương một mục từ trong công trình bách khoa thư chuyên ngành y dược học. Cấu trúc nội dung mục từ đã cung cấp những thông tin làm rõ hiện trạng của sự vật qua việc mô tả cây thuốc, con vật hay khoáng chất. Tác giả cung cấp thông tin về việc phân bố, thu hái và chế biến; thành phần hóa học; tác dụng dược lý; công dụng và liều dùng. Với mô hình cấu trúc như trên, mỗi mục trong công trình này đã đem đến cho đối tượng tiếp nhận những thông tin tương đối toàn diện về vấn đề y dược học.

5. Kết luận

Công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* của tác giả Đỗ Tất Lợi đã tổng hợp các vị thuốc, cây thuốc đang được sử dụng hay đã từng được sử dụng hiệu quả trong chữa bệnh ở Việt Nam. Công trình này được tiến hành một cách công phu, tác giả đã khảo sát, chọn lọc, nghiên cứu cây thuốc và vị thuốc một cách có hệ thống, bài bản, cung cấp các tri thức về y dược học cổ truyền, đặc biệt là việc dùng thuốc nam của ông cha ta. Từ góc độ cấu trúc bách khoa thư chuyên ngành cho thấy, phần thứ nhất cung cấp tri thức cơ bản cho người sử dụng có thể tiếp nhận những nguyên lý cơ bản về

y dược học cổ truyền trong Đông y. Tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận về tìm thuốc và tác dụng của thuốc theo Đông y, bào chế thuốc theo Đông y, cơ sở xem xét tác dụng của thuốc theo Đông y, kê đơn thuốc Đông y. Phần thứ hai cung cấp tri thức mang tính bách khoa thư về những vị thuốc và cây thuốc trong Đông y, bao gồm trên 750 mục với rất nhiều thông tin khoa học thực chứng và đáng tin cậy. Phần thứ ba đưa ra các bảng tra cứu theo từng chủ đề khác nhau, thuận tiện trong việc tra cứu cho người sử dụng. Đây cũng là cách làm của các công trình bách khoa thư vốn chứa đựng lượng thông tin khoa học lớn. Nội dung của mỗi mục trong công trình được trình bày bằng văn phong ngắn gọn, súc tích, trong sáng, giản dị, dễ đọc, dễ hiểu và mang tính khoa học, khách quan. Đây là lối văn phong được sử dụng trong các công trình từ điển và bách khoa thư. Đa phần các mục trong công trình có hình ảnh minh họa đã làm cho mỗi đơn vị tri thức được cụ thể hóa và sinh động hơn. Qua phân tích mô hình cấu trúc của công trình dưới góc độ bách khoa thư chuyên ngành có thể khẳng định, công trình *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* mang tính chất của một công trình bách khoa thư về y dược học Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Huy Bình, Nguyễn Văn Lợi, Hoàng Thị Nhung, Tạ Văn Thông, *Nghiên cứu từ điển và bách khoa thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.
- [2] Đỗ Tất Lợi, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội, 2000.
- [3] Hà Học Trạc, *Lịch sử - Lý luận và thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2004.
- [4] Viện Ngôn ngữ học, *Nguyễn Kim Thân tuyển tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.